

Bản án số: 62/2022/HSST

Ngày 26 - 12 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Song Lưu

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Bích và ông Hoàng Văn Khảm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Không Thị Phú Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2022/TLST ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, đối với:

Bị cáo Trần Văn H, sinh ngày: 14/01/1990; sinh trú quán: thôn Đ3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; Đảng, Đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn I (đã chết) và bà Trần Thị N2; vợ Trần Thị L (đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2022, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, có mặt.

*Bị hại:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1983 và chị Tạ Thị Thúy V, sinh năm 1992; cùng trú tại: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1962; trú tại: thôn Đ 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

*Người làm chứng:* 1. Anh Trần Văn N, sinh năm 1991; trú tại: thôn Đ3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989; trú tại: thôn Đ2, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Anh Lê Sỹ Tr, sinh năm 1985; trú tại: số 82, đường H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1985; trú tại: thôn Đ1, xã Đ, huyện Y, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H làm nghề trao đổi, mua bán xe ô tô cũ. Vào khoảng tháng 01/2021 qua thông tin đăng trên các hội nhóm Facebook H biết người đàn ông tên Đ ở thành phố Hà Nội (H không biết họ tên, tuổi, địa chỉ) đang có nhu cầu

thanh lý 02 chiếc xe ô tô tải đã qua sử dụng, biển kiểm soát 29C-286.86 và 29C-249.05 với giá lần lượt là 180.000.000đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và 210.000.000đồng (hai trăm mười triệu đồng). H nảy sinh ý định tìm khách hàng có nhu cầu mua xe ô tô cũ để bán 02 chiếc xe ô tô này từ đó hưởng tiền chênh lệch. Vào đầu tháng 02/2021, trong một lần đi qua cửa hàng mua bán xe ô tô cũ của anh Nguyễn Thành N, thấy biển quảng cáo có in số điện thoại của anh N, H lưu số điện thoại, dùng điện thoại có gắn sim số 0913.948.776 của mình gọi điện cho anh N, H giới thiệu đang làm nghề mua bán xe ô tô cũ và chào mời anh N mua lại xe ô tô tải loại K300, BKS 29C-286.86 với giá 215.000.000đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng). H dùng tài khoản zalo của mình kết bạn zalo với anh N và gửi anh N các hình ảnh xe ô tô K300, anh N đồng ý mua. Sau khi giới thiệu bán xe cho anh N, H liên lạc với người tên Đ hỏi mua xe K300 để bán cho anh N, nhưng Đ cho biết đã bán 02 chiếc xe trên. Biết xe K300 biển kiểm soát 29C-286.86 đã bán nhưng do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, H nảy sinh ý định lừa bán xe cho anh N nên H liên lạc, trao đổi, hẹn anh N xuống nhà gặp H làm thủ tục mua bán xe, anh N đồng ý. Ngày 16/02/2021, anh N cùng vợ là Tạ Thị Thúy V đến nhà H. Tại đây, hai bên thống nhất giá chiếc xe ô tô loại K300 biển kiểm soát 29C - 286.86 là 215.000.000đ. Anh N đưa H 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) đặt cọc. H cầm tiền viết giấy nhận cọc xe rồi đưa anh N giữ và hẹn ngày 21/02/2021 (tức ngày 10/01/2021 âm lịch) giao xe cho anh N. Để có đủ tiền trả nợ, H tiếp tục nhắn tin, gọi điện thoại nói rối anh N là H không đủ tiền mua lại chiếc xe trên để bán cho anh N nên bảo anh N chuyển thêm tiền đặt cọc, nếu anh N không chuyển thêm tiền đặt cọc, chủ xe sẽ bán cho người khác. Nghe H nói vậy, tin là thật anh N đồng ý chuyển tiền cho H. Do H không mở tài khoản tại Ngân hàng nên H đã hỏi mượn số tài khoản của các anh Trần Văn N1, Nguyễn Văn P đều mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) là bạn của H và anh Lê Sỹ Tr mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) để anh N chuyển tiền cho H. H nói với các anh N1, P, Tr sau khi nhận được tiền thì rút tiền mặt trả H, các anh đồng ý. Sau đó H cung cấp số tài khoản của các anh N1, P, Tr để anh N chuyển tiền đặt cọc mua xe, vào các ngày cụ thể:

Ngày 18/02/2021, anh N chuyển 9.000.000đồng đến số tài khoản 109869916666 của anh Trần Văn N1 mở tại Ngân hàng Vietinbank;

Ngày 19/02/2021 anh N chuyển 50.000.000đồng, ngày 21/02/2021 anh N chuyển 20.000.000đồng đến số tài khoản 105000254601 của anh Nguyễn Văn P mở tại Ngân hàng Vietinbank.

Ngày 20/02/2021, anh N chuyển 40.000.000đồng đến số tài khoản 19030871131012 của anh Lê Sỹ Tr mở tại Ngân hàng Techcombank.

Sau khi chuyển số tiền 149.000.000đ cho H để đặt cọc mua xe ô tô K300 biển kiểm soát 29C-286.86 xong, anh N liên tục yêu cầu H giao xe, do không có xe giao như thỏa thuận, H tiếp tục nói rối do chưa xuất hóa đơn nên chưa có xe giao cho anh N và hẹn vài ngày nữa giao xe.

**Lần thứ hai:** Ngày 22/02/2021, để có tiền trả nợ Trần Văn H tiếp tục gọi điện thoại cho anh N xin hoãn thời gian giao chiếc xe ô tô tải K300 BKS 29C-286.86, đồng thời giới thiệu cho anh N mua thêm chiếc xe ô tô tải loại 8000kg, nhãn hiệu Kumin, sản xuất năm 2013 BKS 29C-249.05 với giá 160.000.000đ

(một trăm sáu mươi triệu đồng). H gửi hình ảnh xe ô tô qua zalo cho anh N xem, anh N đồng ý mua xe. Như các lần trước, H yêu cầu anh N chuyển tiền cọc mua xe cho H, anh N đồng ý. H bảo anh N chuyển tiền vào số tài khoản của anh Trần Văn N1 để đặt cọc mua xe ô tô BKS 29C-249.05. Ngày 22/02/2021, anh N chuyển đến số tài khoản 109869916666 của anh N1 số tiền 50.000.000đồng để đặt cọc mua xe ô tô BKS 29C-249.05. Thấy anh N tin tưởng chuyển tiền cho mình, H tiếp tục lấy lý do chưa đủ tiền mua xe ô tô, yêu cầu anh N chuyển thêm tiền. Anh N đã chuyển đến các số tài khoản do H cung cấp thêm 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), cụ thể:

Ngày 24/02/2021 anh N đã chuyển số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) đến số tài khoản 109869916666 của anh Trần Văn N1.

Ngày 26/02/2021 anh N đã chuyển số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) vào số tài khoản 106870727917 của anh Nguyễn Văn A. Tổng số tiền anh N chuyển mua xe ô tô biên kiểm soát 29C- 249.05 là 100.000.000đ.

Như vậy tổng số tiền anh Nguyễn Thành N đã chuyển cho Trần Văn H để mua hai chiếc xe ô tô tãi BKS 29C-286.86 và BKS 29C- 249.05 từ ngày 16/02/2021 đến ngày 26/02/2021 là 249.000.000đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu đồng). Sau khi nhận tiền từ anh N, H sử dụng 190.000.000đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) trả nợ cho người đàn ông tên L ở tỉnh Hải Dương, số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân. Sau khi giao tiền đặt cọc mua hai chiếc xe ô tô, anh N gọi điện thoại yêu cầu H giao xe. Do không có xe giao cho anh N, H đã vứt bỏ điện thoại cùng sim số 0913.948.776, xóa zalo cắt liên lạc với anh N và bỏ trốn khỏi địa phương, anh N nhiều lần gọi điện thoại nhưng không liên lạc được với H, anh N xuống nhà H tìm nhiều lần nhưng không gặp được H.

Ngày 08/6/2021, anh Nguyễn Thành N có đơn tố cáo hành vi lừa đảo tài sản của Trần Văn H.

Quá trình điều tra, ngày 29/5/2022 Công an huyện Y đã tạm giữ 03 điện thoại di động, trong đó có 02 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSMART.

Ngày 30/5/2022, Trần Văn H tự nguyện giao nộp 40.000.000đ, ngày 18/6/2022 bà Trần Thị N2 là mẹ H đã tự nguyện giao nộp số tiền 30.000.000đ để bồi thường cho anh Nguyễn Thành N.

Đối với các anh Trần Văn N1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P, Lê Sỹ Tr là chủ tài khoản tại các Ngân hàng. Quá trình điều tra, các anh N1, A, P đều xác định đã cho Trần Văn H mượn số tài khoản Ngân hàng để nhận tiền. Sau khi tiền được chuyển vào tài khoản thì H đều đề nghị chủ tài khoản rút tiền hoặc đưa tiền mặt cho H. Tại cơ quan điều tra, anh Lê Sỹ Tr cho biết vào sáng ngày 20/02/2021, có một người đàn ông khoảng 30 tuổi, da ngăm đen, cổ đeo dây chuyền màu vàng đến quán của anh ăn uống. Người này nói không có tiền mặt nên đề nghị anh Tr cho số tài khoản để chuyển tiền. Anh Tr đã cung cấp số tài khoản của mình cho người đàn ông này, người này đã chuyển vào số tài khoản 19030871121012 mở tại Ngân hàng Techcombank của anh Tr số tiền 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) và nhờ anh Tr rút tiền mặt. Anh Tr đồng ý đến cây ATM rút toàn bộ số tiền trên đưa cho người này. Cơ quan cảnh sát điều tra cho anh Lê Sỹ Tr nhận dạng đối tượng qua ảnh. Anh Tr xác nhận nam thanh niên nêu trên chính là Trần Văn H. Khi nhờ, H không nói cho các anh

Trần Văn N1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn P và Lê Sỹ Tr biết đó là tiền H lừa đảo chiếm đoạt của anh N mà có nên các anh không biết nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với các anh N, A, P, Tr về hành vi lừa đảo hay chứa chấp hoặc tiêu thụ do người khác phạm tội mà có.

Đối với người đàn ông tên L ở tỉnh Hải Dương mà H trả số tiền 190.000.000đồng, do H không biết họ tên, tuổi, địa chỉ của người này nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ nên không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông tên Đ là người giao bán hai chiếc xe ô tô, H không biết họ tên, tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở để xác minh, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKSYL ngày 25 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Trần Văn H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Trần Văn H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, phạt: Trần Văn H từ 08 năm đến 09 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc Trần Văn H bồi thường cho anh Nguyễn Thành N số tiền 179.000.000đ; xử lý vật chứng và tính án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Cáo trạng truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng. Tuy nhiên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng, thể hiện như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/02/2021 đến ngày 26/02/2021, Trần Văn H đã 02 lần lừa bán 02 xe ô tô cũ cho anh Nguyễn Thành N để chiếm đoạt số tiền 249.000.000đồng. Cụ thể:

**Lần thứ nhất:** Khoảng đầu năm 2021, qua mạng xã hội Facebook Trần Văn H biết một người tên Đ đăng bán 01 xe ô tô KIA K300 BKS 29C-286.86 với giá 180.000.000đ và 01 xe ô tô BKS 29C-249.05 giá 210.000.000đ. H liên lạc với anh Đ thì được biết anh Đ đã bán 02 chiếc xe trên. Do thiếu tiền trả nợ và

chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định lừa bán xe KIA K300 BKS 29C-286.86 để lấy tiền. Biết anh Nguyễn Thành N làm nghề mua bán xe ô tô cũ, H đã gọi điện thoại với anh N và nói rồi là H liên hệ mua được xe ô tô KIA K300 BKS 29C-286.86 với giá 215.000.000đ và gửi hình ảnh xe ô tô trên cho anh N xem, anh N đồng ý mua. H yêu cầu anh N gặp H để đặt cọc tiền mua xe. Vợ chồng anh N đã đến gặp H đặt cọc số tiền 30.000.000đ. Sau đó H tiếp tục nói rồi anh N, H khó khăn về kinh tế không đủ tiền mua xe, yêu cầu anh N chuyển tiền cho H, nếu không chuyển tiền cọc thêm thì chủ xe sẽ bán cho người khác và H yêu cầu anh N chuyển tiền đến các số tài khoản H mượn của các anh Trần Văn N1, Nguyễn Văn P, Lê Sỹ Tr. Tin là thật nên từ ngày 18/02/2021 đến ngày 21/02/2021 anh N đã 04 lần chuyển tiền đặt cọc mua xe cho H số tiền 119.000.000đ. Tổng số 05 lần anh N đặt cọc mua xe ô tô KIA K300 BKS 29C-286.86 là 149.000.000đồng.

**Lần thứ hai:** Vẫn thủ đoạn như lần trước, để có tiền H lại nói rồi anh N chủ xe muốn bán xe ô tô BKS 29C-249.05 với giá 160.000.000đ rồi gửi hình ảnh xe qua zalo cho anh N xem, tin là thật, anh N đồng ý mua xe. H yêu cầu anh N chuyển tiền vào các số tài khoản của các anh Trần Văn N1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn A mà H cung cấp. Từ ngày 22/02/2021 đến ngày 26/02/2021 anh N 03 lần chuyển tiền đặt cọc mua xe ô tô BKS 29C - 249.05 cho H số tiền 100.000.000đồng. Sau khi nhận được tiền anh N cọc mua hai chiếc xe ô tô, H lấy 190.000.000đ trả nợ cho người đàn ông tên L ở tỉnh Hải Dương, số còn lại H đã chi tiêu cá nhân. Sau đó H xóa zalo với anh N, vứt bỏ điện thoại cùng sim, bỏ trốn khỏi địa phương. Tổng số tiền H lừa đảo chiếm đoạt của anh N là 249.000.000đồng.

[4]. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự: “3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

a) *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”;

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5]. Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động, không rèn luyện và tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho xã hội, để có tiền chơi bời, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã khắc phục hậu quả, bồi thường một phần thiệt hại nên được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 70.000.000đ bị cáo và bà N2, mẹ bị cáo giao nộp để bồi thường cho anh N, ngày 08/9/2022, cơ quan điều tra Công an huyện Y đã trả lại anh N số tiền trên.

Đối với 03 điện thoại di động, cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản kiểm tra, trong đó 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia số thuê bao 0926181863; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số thuê bao 0979943146, cả hai chiếc điện thoại trên không có tin nhắn đi, đến hay cuộc gọi đi, đến nào liên quan đến vụ án; 01 điện thoại Vsmart bên trong có sim số thuê bao 0976111243 không mở được nguồn, không khởi động được, H khai chiếc điện thoại này đã bị hỏng. Sau khi kiểm tra xác định 03 điện thoại nêu trên không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại H.

Đối với chiếc điện thoại (H không nhớ nhãn hiệu) bên trong có sim 0913.948.776, H dùng liên lạc với anh N trao đổi mua bán hai chiếc xe ô tô nhưng H đã vứt bỏ, cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thành N, chị Tạ Thị Thúy V yêu cầu Trần Văn H phải bồi thường tiếp số tiền 179.000.000đ, H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh N, chị V nhưng hiện tại H đang bị tạm giam nên chưa bồi thường được. Do vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh N, chị V số tiền 179.000.000đ.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”  
2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn H 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 05/7/2022.

3. Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Thành N, chị Tạ Thị Thúy V số tiền 179.000.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.950.000đ (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**5.** Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Y;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Song Lưu**